

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÂM
TỈNH HƯNG YÊN

Bản án số:40/2025/HS-ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 25 tháng 3 năm 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÂM, TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Nam Thắng
- Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Quang Điện
bà Nguyễn Thị Ngà

- Thư ký phiên toà: bà Phạm Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: bà Chu Thị Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2025 đối với:

1. Bị cáo họ và tên: Nguyễn Thị T, sinh năm 1995; giới tính: nữ; STQ: thôn H, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2; có chồng là Nguyễn Duy H và 02 con.

Bị cáo Nguyễn Thị T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Duy T3, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn H, xã V huyện V, thành phố Hải Phòng.

Anh Nguyễn Thế T4, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn A, xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng;

Anh Đinh Văn T5, sinh năm 1995; địa chỉ: Khu Q, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Anh Đỗ Đức T6, sinh năm 1998; địa chỉ: thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên;

Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

Anh Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn D, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội.

Đều vắng mặt.

3. Người làm chứng:

Anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn H, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

Ông Trịnh Văn B, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn M, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Ông Đinh Văn D, sinh năm 1972; địa chỉ: khu Q, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
(Đều vắng mặt).

NỘI DUNG

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị T nhận thấy nhiều người có nhu cầu vay tiền để kinh doanh, chi tiêu cá nhân và không muốn làm hồ sơ, thủ tục pháp lý để vay tín chấp của các tổ chức tín dụng nên T mặc dù không đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực cho vay, cấp tín dụng nhưng đã cho người khác vay tiền với lãi suất cao có thể thế chấp tài sản, đặt lại giấy tờ tùy thân làm tin hoặc không cần thế chấp tài sản, chỉ thỏa thuận bằng miệng mà không có giấy tờ vay nợ nhằm thu lời bất chính. Hình thức cho vay và thanh toán: vay lãi ngày, không cắt lãi, tiền lãi được tính theo ngày cho đến khi người vay trả hết tiền vay gốc và thỏa thuận định kỳ cứ 30 ngày phải trả tiền lãi cho T. Người vay gặp trực tiếp T tại cửa hàng sửa chữa xe máy của T ở thôn H, thị trấn N để thỏa thuận về số tiền vay gốc và lãi suất, T sẽ đưa tiền mặt hoặc thông qua tài khoản ngân hàng V số 1016390310 mang tên Nguyễn Thị T để giao dịch tiền vay, trả tiền vay gốc và tiền lãi, đồng thời T sử dụng các quyển sổ, vở ghi lại các nội dung liên quan đến người vay, khoản vay, tiền lãi...

Trong thời gian từ ngày 24/12/2023 đến ngày 17/01/2025, T cho 06 người vay gồm: Nguyễn Duy T3, Nguyễn Thế T4, Đinh Văn T5, Đỗ Đức T6, Nguyễn Ngọc H1 và Nguyễn Văn N vay tổng số tiền 122.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (*tương đương 182,5% /năm*), theo thỏa thuận T được hưởng số tiền lãi là 68.550.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo định mức Nhà nước cho phép là 7.512.330 đồng, số tiền thu lời bất chính là 61.037.670 đồng. Thực tế T đã nhận được số tiền lãi là 40.720.000 đồng nên số tiền thu lời bất chính đã nhận là 33.207.670 đồng. Cụ thể:

** Hành vi Nguyễn Thị T cho Nguyễn Duy T3 vay tiền:*

Trong thời gian từ ngày 24/12/2023 đến ngày 17/01/2025, T cho Nguyễn Duy T3 vay tổng số tiền 36.000.000 đồng. Theo mức lãi suất thỏa thuận T được hưởng số tiền lãi là 41.375.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo định mức Nhà nước cho phép

là 4.534.247 đồng, số tiền thu lãi bất chính là 36.840.753 đồng. Thực tế T nhận được số tiền lãi là 17.670.000 đồng nên số tiền thu lãi bất chính đã nhận là 13.135.758 đồng. T3 đã thanh toán trả tiền gốc cho T là 10.000.000 đồng, còn nợ gốc là 26.000.000 đồng. Chi tiết như sau:

STT	Các khoản vay (đồng)	Trả nợ gốc (Đồng)	Ngày vay	Ngày trả lãi	Số tiền lãi tối đa được thu (đồng)	Mức lãi suất thỏa thuận (đồng/ 1.000.000 đồng/ 1 ngày)	Số tiền lãi người vay đã trả (đồng)	Số tiền thu lãi bất chính đã được hưởng (đồng)	Số tiền lãi người vay phải trả theo thỏa thuận (đồng)	Số tiền thu lãi bất chính được hưởng theo thỏa thuận (đồng)	Ghi chú
1	10.000.000	10.000.000	24/12/2023	15/07/2024	1.123.288	5.000	6.750.000	5.626.712	10.250.000	9.126.712	Đặt lại chứng nhận đăng ký xe Jupiter
2	5.000.000	0	01/04/2024	17/01/2025	800.000	5.000	2.250.000	1.450.000	7.300.000	6.500.000	Đặt lại Giấy phép lái xe hạng A1
3	6.000.000	0	26/05/2024	17/01/2025	779.178	5.000	4.170.000	3.390.822	7.110.000	6.330.822	Thanh đứng tên đảm bảo đề Trọng vay tiền, chưa trả nợ gốc
4	6.000.000	0	30/05/2024	17/01/2025	766.027	5.000	2.500.000	1.733.973	6.990.000	6.223.973	Thiện nhờ Trọng vay hộ, đặt lại Chứng nhận đăng ký xe Honda Dream nhưng Thiện không cần vay tiền nữa nên chuyển thành Trọng vay tiền nên Trọng lấy lại chứng nhận đăng ký xe trả cho Thiện
5	5.000.000	0	03/06/2024	17/01/2025	627.397	5.000	1.000.000	372.603	5.725.000	5.097.603	
6	4.000.000	0	02/07/2024	17/01/2025	438.356	5.000	1.000.000	561.644	4.000.000	3.561.644	Thanh đứng tên đảm bảo đề Trọng vay tiền, chưa trả nợ gốc
Tổng	36.000.000	10.000.000			4.534.247		17.670.000	13.135.753	41.375.000	36.840.753	
Nợ gốc	26.000.000										

** Hành vi Nguyễn Thị T cho Nguyễn Thê T4 vay tiền:*

Trong thời gian từ ngày 29/7/2024 đến ngày 17/01/2025, T cho T4 vay tổng số tiền 15.000.000 đồng. Theo mức lãi suất thỏa thuận T được hưởng số tiền lãi là 5.700.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo định mức Nhà nước cho phép là 624.658 đồng, số tiền thu lãi bất chính là 5.075.342 đồng. Thực tế T nhận được số tiền lãi là 5.300.000 đồng nên số tiền thu lãi bất chính đã nhận là 4.675.342 đồng. T4 đã thanh

toán trả cho T tiền gốc là 5.000.000 đồng, còn nợ gốc là 10.000.000 đồng. Chi tiết như sau:

STT	Các khoản vay (đồng)	Trả nợ gốc (đồng)	Ngày vay	Ngày trả lãi	Số tiền lãi tối đa được thu (đồng)	Mức lãi suất thỏa thuận (đồng/ 1.000.000 đồng/ 1 ngày)	Số tiền lãi người vay đã trả (đồng)	Số tiền thu lãi bất chính đã được hưởng (đồng)	Số tiền lãi người vay phải trả theo thỏa thuận (đồng)	Số tiền thu lãi bất chính được hưởng theo thỏa thuận (đồng)	Ghi chú
1	5.000.000	5.000.000	29/07/2024	31/12/2024	427.397	5.000	3.800.000	3.372.603	3.900.000	3.472.603	
2	10.000.000	0	13/12/2024	17/01/2025	197.260	5.000	1.500.000	1.302.740	1.800.000	1.602.740	
Tổng	15.000.000	5.000.000			624.658	5.000	5.300.000	4.675.342	5.700.000	5.075.342	
Nợ gốc	10.000.000										

** Hành vi Nguyễn Thị T cho Đinh Văn T5 vay tiền:*

Trong thời gian từ ngày 29/02/2024 đến ngày 27/07/2024, T cho T5 vay tổng số tiền 25.000.000 đồng. Theo mức lãi suất thỏa thuận T được hưởng số tiền lãi là 6.300.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo định mức Nhà nước cho phép là 690.411 đồng, số tiền thu lãi bất chính là 5.609.589 đồng. Thực tế T nhận được số tiền lãi là 5.900.000 đồng nên số tiền thu lãi bất chính đã nhận là 5.209.589 đồng. T5 đã thanh toán trả xong cho T số tiền gốc là 25.000.000 đồng. Chi tiết như sau:

STT	Các khoản vay (đồng)	Trả nợ gốc (Đồng)	Ngày vay	Ngày trả lãi	Số tiền lãi tối đa được thu (đồng)	Mức lãi suất thỏa thuận (đồng/ 1.000.000 đồng/ 1 ngày)	Số tiền lãi người vay đã trả (đồng)	Số tiền thu lãi bất chính đã được hưởng (đồng)	Số tiền lãi người vay phải trả theo thỏa thuận (đồng)	Số tiền thu lãi bất chính được hưởng theo thỏa thuận (đồng)	Ghi chú
1	5.000.000	5.000.000	29/02/2024	29/03/2024	82.192	5.000	750.000	667.808	750.000	667.808	
2	10.000.000	10.000.000	20/04/2024	27/07/2024	536.986	5.000	4.500.000	3.963.014	4.900.000	4.363.014	Cầm cố xe Honda Wave, màu trắng
3	10.000.000	10.000.000	15/07/2024	27/07/2024	71.233	5.000	650.000	578.767	650.000	578.767	Cầm cố xe Yamaha Jupiter
Tổng	25.000.000	25.000.000			690.411	5.000	5.900.000	5.209.589	6.300.000	5.609.589	
Nợ gốc	0										

** Hành vi Nguyễn Thị T cho Đỗ Đức T6 vay tiền lãi:*

Trong thời gian từ ngày 23/09/2024 đến ngày 26/09/2024, T cho T6 vay số tiền 10.000.000 đồng. Theo mức lãi suất thỏa thuận T được hưởng số tiền lãi 200.000 đồng, trong đó, tiền lãi theo định mức Nhà nước cho phép là 21.918 đồng, số tiền

thu lãi bất chính là 178.082 đồng. T6 đã thanh toán trả T xong số tiền gốc là 10.000.000 đồng. Chi tiết như sau:

STT	Các khoản vay (đồng)	Trả nợ gốc (Đồng)	Ngày vay	Ngày trả lãi	Số tiền lãi tối đa được thu (đồng)	Mức lãi suất thỏa thuận (đồng/ 1.000.000 đồng/ 1 ngày)	Số tiền lãi người vay đã trả (đồng)	Số tiền thu lãi bất chính đã được hưởng (đồng)	Số tiền lãi người vay phải trả theo thỏa thuận (đồng)	Số tiền thu lãi bất chính được hưởng theo thỏa thuận (đồng)	Ghi chú
1	10.000.000	10.000.000	23/09/2024	26/09/2024	21.918	5.000	200.000	178.082	200.000	178.082	
Tổng	10.000.000	10.000.000			21.918		200.000	178.082	200.000	178.082	
Nợ gốc		0									

* *Hành vi Nguyễn Thị T cho Nguyễn Ngọc H1 vay tiền:*

Thời gian từ ngày 28/06/2024 đến ngày 17/01/2025, T cho H1 vay tổng số tiền 6.000.000 đồng. Theo mức lãi suất thỏa thuận T được hưởng số tiền lãi là 5.575.000 đồng, trong đó, tiền lãi theo định mức Nhà nước cho phép là 610.959 đồng, số tiền thu lãi bất chính là 4.964.041 đồng. Thực tế T nhận được số tiền lãi là 2.500.000 đồng nên số tiền thu lãi bất chính đã nhận là 1.889.041 đồng. H1 chưa thanh toán trả tiền gốc là 6.000.000 đồng cho T. Chi tiết như sau:

STT	Các khoản vay (đồng)	Trả nợ gốc (đồng)	Ngày vay	Ngày trả lãi	Số tiền lãi tối đa được thu (đồng)	Mức lãi suất thỏa thuận (đồng/ 1.000.000 đồng/ 1 ngày)	Số tiền lãi người vay đã trả (đồng)	Số tiền thu lãi bất chính đã được hưởng (đồng)	Số tiền lãi người vay phải trả theo thỏa thuận (đồng)	Số tiền thu lãi bất chính được hưởng theo thỏa thuận (đồng)	Ghi chú
1	5.000.000	0	28/06/2024	20/10/2024	315.068	5.000	1.000.000	684.932	2.875.000	2.559.932	Đặt lại chứng nhận đăng ký xe Angel
2	6.000.000	0	20/10/2024	17/01/2025	295.890	5.000	1.500.000	1.204.110	2.700.000	2.404.110	Vay thêm 1.000.000 đồng góp với khoản 5.000.000 đồng ngày 28/6/2024
Tổng	6.000.000	0			610.959	5.000	2.500.000	1.889.041	5.575.000	4.964.041	
Nợ gốc		6.000.000									

* *Hành vi Nguyễn Thị T cho Nguyễn Văn N vay tiền:*

Trong thời gian từ ngày 02/10/2024 đến ngày 17/01/2025, T cho N vay tổng số tiền 30.000.000 đồng. Theo mức lãi suất thỏa thuận T được hưởng số tiền lãi là 9.400.000 đồng. Trong đó, tiền lãi theo định mức Nhà nước cho phép là 1.030.137 đồng, số tiền thu lãi bất chính là 8.369.863 đồng. Thực tế T nhận được số tiền lãi là 9.150.000 đồng nên số tiền thu lãi bất chính đã nhận là 8.119.863 đồng. N đã thanh toán trả tiền gốc là 10.000.000 đồng cho T, còn nợ gốc là 20.000.000 đồng.

STT	Các khoản vay (đồng)	Trả nợ gốc (Đồng)	Ngày vay	Ngày trả lãi	Số tiền lãi tối đa được thu (đồng)	Mức lãi suất thỏa thuận (đồng/ 1.000.000 đồng/ 1 ngày)	Số tiền lãi người vay đã trả (đồng)	Số tiền thu lãi bất chính đã được hưởng (đồng)	Số tiền lãi người vay phải trả theo thỏa thuận (đồng)	Số tiền thu lãi bất chính được hưởng theo thỏa thuận (đồng)	Ghi chú
1	10.000.000	10.000.000	02/10/2024	07/10/2024	32.877	5.000	250.000	217.123	300.000	267.123	
2	10.000.000	0	08/10/2024	18/11/2024	230.137	5.000	2.000.000	1.769.863	2.100.000	1.869.863	
3	5.000.000	0	10/10/2024	18/11/2024	109.589	5.000	900.000	790.411	1.000.000	890.411	
5	20.000.000	0	18/11/2024	17/01/2025	657.534	5.000	6.000.000	5.342.466	6.000.000	5.342.466	Vay thêm 5.000.000 đồng, gộp với 03 khoản vay trước đó thành 20.000.000 đồng
Tổng	30.000.000	10.000.000			1.030.137		9.150.000	8.119.863	9.400.000	8.369.863	
Nợ gốc	20.000.000										

Ngày 17/01/2025, CSĐT Công an huyện V đã khám xét khẩn cấp tại cửa hàng sửa xe máy của Nguyễn Thị T tại thôn H, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Thu giữ vật chứng: 01 Quyền sở nhật ký bì màu hồng nhãn hiệu Hải Tiến tại bì ghi chữ “Sổ mua thực phẩm”. 01 Quyền vở học sinh kẻ ô ly bì màu xanh do Công ty Cổ phần H2 sản xuất. 01 tờ giấy dòng kẻ ô ly trên bề mặt có ghi các khoản vay bằng mực màu xanh. 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy M30S bên trong lắp 01 thẻ sim số 0983334474; giấy phép lái xe, căn cước công dân; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của một số cá nhân.

Cáo trạng số: 34/CT-VKS-VL ngày 24/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX: áp dụng khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; miễn khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo. Ngoài ra đại diện viện kiểm sát đề nghị HĐXX giải quyết các vấn đề về hình phạt bổ sung; về xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp khác và án phí của vụ án.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại nên hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Lời khai nhận tội của bị cáo ở giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp khách quan với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn kiếm tiền bằng hình thức cho vay lãi suất cao nên từ ngày 22/11/2023 đến ngày 17/01/2025, bị cáo Nguyễn Thị T sử dụng số tiền 122.000.000đ cho 06 người vay với lãi suất cao 5000đ/1.000.000đ/1 ngày (tương đương 182,5%/năm) vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự; đã thu lời bất chính số tiền 33.207.670đ. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân” sự theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Hành vi của bị cáo có thể làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm và các tệ nạn xã hội khác.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, đã nhận thức được hành vi vi phạm nên áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là phù hợp, đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo mà không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên quản lý, giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp cùng U trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo T phải chấp hành nghiêm những nghĩa vụ quy định tại Điều 99, Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Đối với việc khấu trừ một phần thu nhập và hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo không có công việc ổn định, không có tài sản riêng và đang phải nuôi hai con còn nhỏ nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46, 47 BLHS và khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Đối với số tiền nợ gốc, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Đinh Văn T5 đã trả cho T số tiền là 25.000.000 đồng. Anh Đỗ Đức T6 đã trả cho T số tiền là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền nợ gốc mà T đã nhận là 35.000.000 đồng, xác định đây là tiền bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 7.512.330 đồng xác định tiền lãi bị cáo thu được tương ứng mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu đối với bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền lãi là 33.207.670 đồng mà những người vay là T3, T4, T5, T6, H1, N đã trả cho T, các anh T3, T4, T5, T6, H1, N đều tự nguyện không có yêu cầu gì nhưng xác định đây là khoản tiền bị cáo thu lời bất chính của những người vay nên tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền nợ gốc mà Nguyễn Duy T3, Nguyễn Thế T4, Nguyễn Ngọc H1 và Nguyễn Văn N chưa trả cho bị cáo T, xác định đây là tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên buộc những người này phải nộp lại để sung Ngân sách Nhà nước. Cụ thể: anh T3 phải nộp là 26.000.000 đồng. Anh T4 phải nộp là 10.000.000 đồng. Anh H1 phải nộp là 6.000.000 đồng. Anh N phải nộp là 20.000.000 đồng.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy M30S bên trong lắp 01 thẻ sim số 0983334474 xác định bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu phát mại lấy tiền nộp Ngân sách Nhà nước.

Đối với Giấy phép lái xe số 330214005695 mang tên Nguyễn Duy T3, Giấy phép lái xe số 330113002256 mang tên Nguyễn Văn N, Căn cước công dân số 025095007794 mang tên Đinh Văn T5, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 026071 đăng ký xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số 19S1-077.85 xác định là của ông Đinh Văn D (là bố của T5), ông D đã cho T5 chiếc xe và giấy tờ trên. Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0037089 đăng ký chiếc xe máy nhãn hiệu Angel, màu ghi biển số 89F7-8767 xác định là của ông Trịnh Văn B, ông B đã bán chiếc xe trên cho Nguyễn Ngọc H1. Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ giấy tờ trên cho T3, N, T5, H1. T3, N, T5, H1 đã nhận lại các giấy tờ trên và không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

Lưu hồ sơ vụ án đối với Q sổ nhật ký bìa màu hồng nhãn hiệu Hải Tiến tại bìa ghi chữ “Sổ mua thực phẩm”; Quyền vở học sinh kẻ ô ly bìa màu xanh và 01 tờ giấy dòng kẻ ô ly trên bề mặt có ghi các khoản vay bằng mực màu xanh.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14/30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị luận tội của Kiểm sát viên về các vấn đề liên quan đến vụ án là có căn cứ, phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội: “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng: khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Nghị Quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/2021 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự về việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an tỉnh H nhận Quyết định thi hành án của Tòa án.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên quản lý, giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng U trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo T phải chấp hành nghiêm những nghĩa vụ quy định tại Điều 99, Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo.

[3]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Thị T số tiền 75.720.000đ để nộp Ngân sách Nhà nước
Buộc anh Nguyễn Duy T3 nộp lại số tiền 26.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước

Buộc anh Nguyễn Thế T4 nộp lại số tiền 10.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

Buộc anh Nguyễn Ngọc H1 nộp lại số tiền 6.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước

Buộc anh Nguyễn Văn N nộp lại số tiền 20.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

Tịch thu phát mại lấy tiền sung Ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy M30S bên trong lắp 01 thẻ sim số 0983334474.

Lưu hồ sơ vụ án đối với Q sổ nhật ký bì màu hồng nhãn hiệu Hải Tiến tại bì ghi chữ “Sổ mua thực phẩm”; Quyền vở học sinh kẻ ô ly bì màu xanh và 01 tờ giấy dòng kẻ ô ly trên bề mặt có ghi các khoản vay bằng mực màu xanh.

[4] Về án phí: buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

[5]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Văn Lâm;
- Công an tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Lâm
- Bị cáo;
- Người có qlnvq;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nam Thắng

